

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 15-BTC/TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 1991

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Quy định chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng thương mại quốc doanh và Ngân hàng đầu tư và phát triển

Thi hành Nghị định số 196/HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng "quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ", Nghị định số 155/HĐBT ngày 15-10-1988 của Hội đồng Bộ trưởng "quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính", các Luật thuế doanh thu, thuế lợi tức ban hành theo Nghị quyết của Quốc hội khoá VIII, Kỳ họp thứ 7 ngày 30-6-1990 và Nghị định số 351/HĐBT, Nghị định số 353-HĐBT ngày 02-10-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành các luật thuế. Căn cứ Pháp lệnh kế toán - thống kê do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 20-5-1988 và Nghị định số 25/HĐBT ngày 18-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước.

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính ban hành theo lệnh số 38/LCT-HĐNN ngày 24-5-1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng thương mại quốc doanh và Ngân hàng đầu tư và phát triển như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Các Ngân hàng thương mại quốc doanh và Ngân hàng đầu tư và phát triển (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng quốc doanh) là đối tượng thực hiện các quy định trong Thông tư này.
2. Ngân hàng quốc doanh là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, được Nhà nước cấp vốn điều lệ, có quyền tự chủ về tài chính, chịu trách nhiệm vật chất về kết quả kinh doanh, đảm bảo vốn của Nhà nước được bảo toàn và phát triển, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo đúng luật định.

3. Ngân hàng quốc doanh thực hiện các chế độ tài chính của Nhà nước quy định chung cho xí nghiệp quốc doanh và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

II- NỘI DUNG QUẢN LÝ THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Vốn Nhà nước và trách nhiệm bảo toàn:

a) Vốn Nhà nước thuộc quyền sử dụng, bảo toàn và phát triển của Ngân hàng quốc doanh gồm:

Vốn ngân sách cấp: bao gồm vốn cố định, vốn lưu động, vốn xây dựng cơ bản do ngân sách cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước (như chênh lệch giá và các khoản phải nộp ngân sách nhưng được ngân sách để lại), vốn được viện trợ, quyên tặng hoặc tiếp quản từ chế độ cũ để lại.

Vốn Ngân hàng quốc doanh bổ sung: gồm vốn cố định, vốn lưu động, vốn xây dựng cơ bản hình thành từ lợi nhuận để lại, các quỹ của Ngân hàng (trừ quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng).

b) Trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Ngân hàng quốc doanh

Toàn bộ vốn ngân sách Nhà nước cấp và vốn Ngân hàng bổ sung thêm từ sau thời điểm giao vốn đều phải tính chung vào số vốn Ngân hàng quốc doanh đã nhận và phải bảo toàn.

Đối với vốn bổ sung, Ngân hàng quốc doanh được tự chủ trong việc sử dụng như thay thế đổi mới tài sản cố định, góp vốn liên doanh liên kết. Tuy nhiên, số vốn này chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ, không được sử dụng vốn Ngân hàng quốc doanh bổ sung vào mục đích ngoài kinh doanh, dịch vụ như xây dựng các công trình phúc lợi, mua sắm các phương tiện đồ dùng phục vụ sinh hoạt và đời sống.

Hàng năm, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính cùng với Ngân hàng quốc doanh xác định lại số vốn Ngân hàng quốc doanh phải bảo toàn đến thời điểm 31-12. Số liệu này được dùng làm căn cứ duyệt quyết toán số vốn bảo toàn năm báo cáo và làm cơ sở kiểm tra mức độ bảo toàn vốn trong năm tiếp theo.

Việc xác định mức độ bảo toàn vốn thực hiện theo các văn bản của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Ngân hàng quốc doanh chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong việc quản lý và sử dụng vốn. Mọi tổn thất, thiếu hụt vốn, tùy từng trường hợp sẽ xử lý theo quy định của

Nhà nước.

Ngân hàng đầu tư và phát triển chịu sự quản lý, kiểm tra của cơ quan tài chính trong quá trình thực hiện chức năng quản lý, cho vay và cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch Nhà nước. Hàng năm, quyết toán vốn đầu tư theo nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thu nhập, chi phí của Ngân hàng quốc doanh:

a) Thu nhập của Ngân hàng quốc doanh:

Thu lãi cho vay (vốn cố định, vốn lưu động, vốn lưu động, nợ quá hạn).

Thu lãi tiền gửi

Thu lãi về hùn vốn, góp vốn liên doanh, liên kết

Thu nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và đối ngoại

Thu lệ phí hoa hồng về các dịch vụ Ngân hàng

Thu tiền phạt khách hàng phát hành séc quá số dư

Các khoản thu khác trong hoạt động kinh doanh (bao gồm cả thu về cho thuê tài sản cố định).

Ngân hàng quốc doanh phải hạch toán đầy đủ, toàn bộ các khoản thu nhập theo đúng Pháp lệnh kế toán - thống kê và Điều lệ tổ chức kế toán do Nhà nước ban hành.

Các khoản thu lãi Ngân hàng quốc doanh hạch toán thu nhập theo lãi suất do Nhà nước quy định. Các khoản thu lãi bằng ngoại tệ, bằng vàng (nếu có) đều hạch toán quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỉ giá Nhà nước quy định tại thời điểm phát sinh.

Ngân hàng quốc doanh phải đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu nhập theo quy định.

b) Chi phí hoạt động của Ngân hàng quốc doanh:

Chi phí nghiệp vụ kinh doanh;

Trả lãi tiền gửi các tổ chức kinh tế, lãi huy động tiết kiệm của dân cư và huy động các nguồn vốn khác.

Trả lãi tiền vay Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác.

Trả lãi vay nước ngoài (nếu có)

Chi về nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và đối ngoại

Chi trả lệ phí hoa hồng về các nghiệp vụ uỷ nhiệm

Các khoản chi khác về nghiệp vụ kinh doanh

Chi phí quản lý:

Các khoản chi cho người lao động:

Chi lương theo đơn giá tiền lương được duyệt

Các khoản phải nộp về Bảo hiểm xã hội

Chi phương tiện bảo hộ lao động đối với những đối tượng được cấp bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước.

Các khoản chi quản lý khác

Chi công tác phí theo quy định của Nhà nước

Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định của Nhà nước

Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định; sửa chữa hệ thống bảo vệ, bảo quản kho tiền không thuộc nguồn vốn khấu hao sửa chữa lớn và nguồn vốn xây dựng cơ bản theo nhu cầu thực tế phát sinh, nhưng mức chi không vượt quá tỉ lệ sau: mà chi

Ngân hàng công thương: 5%

Ngân hàng nông nghiệp: 10%

Ngân hàng đầu tư và phát triển: 8%

Ngân hàng ngoại thương: 3%

(Tỉ lệ chi sửa chữa thường xuyên tính trên tổng giá trị tài sản cố định bình quân năm).

Chi công cụ lao động cần thiết cho hoạt động kinh doanh.

Chi trang phục giao dịch cho CNVC Ngân hàng theo định mức.

Chi giấy tờ in, vật liệu Văn phòng, kho tàng, vận chuyển bốc xếp, tuyên truyền quảng cáo, đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, cước phí bưu điện, thông tin liên lạc v.v...

Các khoản chi khác hợp lý phát sinh do yêu cầu kinh doanh.

Các Ngân hàng quốc doanh phải hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng chế độ các khoản chi theo quy định. Đối với chi trả lãi, Ngân hàng quốc doanh hạch toán chi phí theo lãi suất do Nhà nước quy định. Các khoản chi bằng ngoại tệ, bằng vàng (nếu có) đều phải hạch toán quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỉ giá Nhà nước quy định tại thời điểm phát sinh.

c) Các Ngân hàng quốc doanh không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

Tiền phạt phải nộp ngân sách Nhà nước do vi phạm luật thuế và vi phạm nghĩa vụ quảng cáo, cung cấp số tài liệu với cơ quan tài chính.

Các khoản tiền phạt phải trả khách hàng về những thiệt hại vật chất do Ngân hàng quốc doanh gây ra.

Các khoản mất mát, tổn thất tài sản Nhà nước do cá nhân, tập thể các Ngân hàng gây ra.

Các khoản mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản.

Các khoản chi thuộc nguồn vốn khác đài thọ (bù đắp rủi ro trong kinh doanh...).

Toàn bộ các khoản trên nếu có phát sinh, các Ngân hàng quốc doanh phải sử dụng đúng nguồn để bù đắp; trường hợp hết nguồn vốn thì phải tính trừ vào phần lợi nhuận để lại Ngân hàng (lợi nhuận sau khi làm nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và trích lập các quỹ dự trữ).

3. Nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước của Ngân hàng quốc doanh:

Ngân hàng quốc doanh phải nộp đầy đủ và đúng thời hạn vào ngân sách Nhà nước các khoản sau:

Thuế doanh thu, thuế lợi tức và thu về sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Khấu hao cơ bản tài sản cố định theo quy định của Nhà nước.

Các khoản phải nộp khác theo chế độ quy định.

Về nghĩa vụ nộp thuế được quy định như sau:

Thuế doanh thu:

Doanh thu tính thuế của Ngân hàng quốc doanh là tiền thu về lãi suất do người vay trả hoặc tiền hoa hồng được hưởng đối với các hoạt động dịch vụ khác (các khoản thu nhập đã nêu tại mục a, phần 2; đối với Ngân hàng đầu tư và phát triển có bao gồm cả nguồn thu lãi từ quỹ tín dụng đầu tư của ngân sách Nhà nước chuyển sang để Ngân hàng cho vay).

Thuế doanh thu do các chi nhánh Ngân hàng quốc doanh (tỉnh, thành phố, đặc khu) nộp trực tiếp vào Chi cục Kho bạc Nhà nước nơi Chi nhánh có phát sinh các hoạt động và nộp định kỳ hàng tháng theo luật định (thuế doanh thu Ngân hàng không thuộc diện điều tiết cho ngân sách địa phương và vẫn thống nhất nộp lên ngân sách trung ương).

Cơ quan tài chính có nhiệm vụ kiểm tra doanh thu tính thuế, cấp chứng từ xác nhận việc đã thu thuế cho Ngân hàng quốc doanh bằng ấn chỉ do Bộ Tài chính thống nhất phát hành để các chi nhánh Ngân hàng làm căn cứ báo cáo tình hình thu nộp về Ngân hàng quốc doanh trung ương.

Thuế lợi tức: